ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /2016/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 19 tháng 02 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 29/TTr-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam".

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 33/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc Ban hành quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- VPCP (b/c);
- Website Chính phủ;
- Bộ TN và MT (b/c);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Cục KT văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo; Đài PTTH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NC, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thu

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2016/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo, vùng biển, lòng đất, vùng trời của tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi lãnh thổ của tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đo đạc và bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương pháp để thu nhận, xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và thông tin thuộc tính của các đối tượng địa lý ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian và biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu theo các quy tắc toán học nhất định.

2. Hệ quy chiếu là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ. Hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.

3. Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia là hệ thống các tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu. Hệ thống này được xác định thống nhất cho cả nước, mỗi số liệu gốc đo đạc quốc gia được gắn với một điểm có dấu mốc cố định, tồn tại lâu dài trên mặt đất được gọi là điểm gốc đo đạc quốc gia.

4. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là toàn bộ các điểm có dấu mốc cố định trên mặt đất nhằm xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại: Tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và các địa phương, bao gồm: Lưới tọa độ quốc gia, lưới độ cao quốc gia, hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia và hệ thống trọng lực quốc gia. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

5. Hệ thống không ảnh là tập hợp dữ liệu ảnh chụp, dữ liệu quét laser địa hình bề mặt trái đất từ các thiết bị đặt trên máy bay (ảnh máy bay) và trên vệ tinh hoặc tàu vũ trụ (ảnh vệ tinh), bao gồm: Hệ thống không ảnh cơ bản và hệ thống không ảnh chuyên dụng.

6. Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia là hệ thống bản đồ địa hình được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phủ trùm cả nước hoặc vùng lãnh thổ trên cả đất liền, hải đảo và đáy biển ở các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

7. Dữ liệu không gian địa lý là tập hợp có tổ chức thông tin về vị trí không gian và thuộc tính của các đối tượng địa lý.

8. Cơ sở dữ liệu địa lý là tập hợp có cấu trúc các dữ liệu địa lý. Cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia là cơ sở dữ liệu địa lý được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất ở các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

9. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa lý là hoạt động bổ sung, chỉnh lý những biến động của dữ liệu địa lý theo đối tượng thực thể cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

10. Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia là một hệ thống bao gồm dữ liệu không gian địa lý, chính sách, tiêu chuẩn, nguồn nhân lực và các công cụ cần thiết để kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu không gian địa lý một cách hiệu quả và linh hoạt.

11. Hiệu chỉnh bản đồ là việc làm mới lại nội dung bản đồ cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

12. Công trình xây dựng đo đạc bao gồm:

a) Các trạm quan trắc cố định về thiên văn, trắc địa, vệ tinh, trọng lực, địa động lực, độ cao, độ sâu, gọi chung là trạm quan trắc cố định;

b) Các điểm gốc đo đạc quốc gia;

c) Các cơ sở kiểm định tham số của thiết bị đo đạc, gọi chung là các cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc;

d) Dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở, gọi chung là dấu mốc đo đạc.

13. Sản phẩm đo đạc và bản đồ là kết quả của các hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ phải bảo đảm cung cấp dữ liệu địa lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản phải được cập nhật thường xuyên và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. Việc thành lập các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia.

5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ và thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân

1. Quyền lợi

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

b) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này;

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ

a) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này;

b) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả phí kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu hoặc lệ phí khi khai thác sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ có nguy cơ gây hại hoặc gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Chương II
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 6. Quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải có Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo đúng danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp; khi tiến hành thành lập, xuất bản và sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, chủ đầu tư phải lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân có tư cách pháp nhân, giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và đủ năng lực để ký kết hợp đồng kinh tế hoặc giao nhiệm vụ để thi công công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Tổ chức, đơn vị, cá nhân đo đạc và bản đồ chỉ được nhận thầu thực hiện những công trình tương ứng với danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép, phải thi công đúng dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy phạm, quy trình đo đạc bản đồ và hợp đồng được ký kết; phải chịu sự giám sát và kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

5. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý, không được treo tại nơi công sở và văn phòng.

6. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở và hệ thống các loại bản đồ trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của quy định này phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000 với kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0 đối với loại tỷ lệ bản đồ không nhỏ hơn 1/10.000.

Điều 7. Hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh

1. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương, bao gồm:

a) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

b) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng;

c) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện;

d) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng;

e) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

2. Các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại các Điểm a, b, d, đ và e Khoản 1 Điều này phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

3. Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính.

4. Ngoài các hoạt động đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 5 và Điều 7 Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

Điều 8. Kinh phí hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương do ngân sách Nhà nước bảo đảm.

2. Kinh phí hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm và xác định rõ trong thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công.

3. Kinh phí cho công tác đo đạc chỉnh lý biến động bản đồ địa chính không vượt quá tổng giá trị kinh phí đầu tư nếu áp dụng hình thức đo mới tương ứng với tỷ lệ bản đồ chỉnh lý trong phạm vi ranh giới của dự án đầu tư.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 9. Danh mục các hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép.

1. Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ.

2. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao.

4. Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay.

5. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình.

6. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển.

7. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính.

8. Thành lập bản đồ hành chính.

9. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính.

10. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.

11. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.

12. Thành lập bản đồ chuyên đề; át-lát địa lý.

13. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình.

14. Kiểm định các thiết bị đo đạc.

Điều 10. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Tổ chức trong nước được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp; có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức hoạt động kinh doanh;

2. Có lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phù hợp với định biên quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện hoạt động thuộc nội dung đề nghị cấp phép;

3. Cán bộ phụ trách kỹ thuật có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép, có thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ ít nhất 03 (ba) năm; có đủ điều kiện về sức khoẻ và không được đồng thời phụ trách kỹ thuật của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ khác;

4. Có năng lực thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện nội dung hoạt động đề nghị cấp giấy phép.

Điều 11. Thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thành 02 (hai) bộ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 01 kèm theo Quy định này;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy định này;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hợp đồng lao động và được đóng bảo hiểm xã hội tại đứng nơi đề nghị cấp giấy phép của người phụ trách kỹ thuật chính và của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ; bản khai quá trình công tác theo Mẫu số 05 kèm theo Quy định này, quyết định bổ nhiệm, giấy chứng nhận sức khoẻ của người phụ trách kỹ thuật chính;

d) Giấy tờ pháp lý chứng nhận về sở hữu thiết bị công nghệ để thực hiện nội dung hoạt động đề nghị cấp phép.

2. Trình tự nộp và thẩm định hồ sơ:

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định theo Mẫu số 02 kèm theo quy định này và gửi biên bản thẩm định kèm theo một (01) bộ hồ sơ cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam để xem xét, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 12. Thẩm định hồ sơ bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Trong quá trình hoạt động, nếu tổ chức có đủ điều kiện mở rộng quy mô, lĩnh vực hoạt động đo đạc và bản đồ và có nhu cầu thì được cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Tổ chức đề nghị bổ sung nội dung giấy phép đo đạc và bản đồ lập hồ sơ thành hai (02) bộ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 03 kèm theo Quy định này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức kể từ khi được cấp giấy phép theo Mẫu số 04 kèm theo Quy định này;

c) Các tài liệu, hồ sơ về nhân lực và thiết bị công nghệ được bổ sung so với thời điểm được cấp phép;

d) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

3. Trình tự nộp hồ sơ đề nghị thẩm định bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, báo cáo định kỳ hàng năm.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Hàng năm các đơn vị hoạt động đo đạc và bản đồ phải báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25/11 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ.

Điều 14.Lập, thẩm định và phê duyệt Dự án hoặc thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định đầu tư.

1. Đối với Dự án đo đạc và bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần thiết kế kỹ thuật, kiểm tra dự toán, phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc và bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần thiết kế kỹ thuật, kiểm tra dự toán và lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính về dự toán kinh phí trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 15. Quy định về lập thiết kế kỹ thuật và dự toán lập mảnh trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình hoặc phục vụ cho các mục đích khác.

1. Trước khi thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính phải lập thiết kế kỹ thuật và dự toán, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán.

2. Phải lập báo cáo khảo sát trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập, phân tích, đánh giá các tư liệu, tài liệu có liên quan trước khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán.

3. Khi lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nếu áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định hiện hành thì phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và phải được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản mới được thi công. Thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

a) Sự cần thiết phải đo đạc lập bản đồ địa chính;

b) Cơ sở pháp lý;

c) Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

d) Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của khu đo (nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ địa chính);

đ) Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

e) Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc bản đồ địa chính của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý đất đai của địa phương;

g) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

h) Tổ chức thực hiện;

i) Dự toán kinh phí;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

k) Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

4. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất riêng lẻ thì không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải lập kế hoạch thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất không sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, không phải lập phương án thi công. Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

a) Căn cứ lập phương án;

b) Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

c) Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;

d) Kinh phí thực hiện.

5. Đối với những nơi đã có bản đồ địa chính chính quy dạng số, việc lựa chọn đo mới hoặc chỉnh lý biến động cần phải lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về mức độ biến động đất đai trong phạm vi dự án.

Điều 16. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra Nhà nước về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng của tỉnh; xác nhận về mặt pháp lý của hồ sơ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm về chất lượng phần công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Điều 17. Trình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

1. Trình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Trình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án thi công và các văn bản hướng dẫn của chuyên ngành.

3. Đơn vị thi công tổ chức kiểm tra chất lượng, khối lượng cấp đơn vị thi công phải có phiếu ghi ý kiến kiểm tra ngoại nghiệp, nội nghiệp, báo cáo sửa chữa (nếu trong quá trình kiểm tra phát hiện sai sót), lập biên bản kiểm tra chất

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

lượng sản phẩm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

4. Đơn vị tư vấn kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ theo mức độ kiểm tra của từng hạng mục công việc theo quy định, phải có phiếu ghi ý kiến kiểm tra ngoại nghiệp, nội nghiệp, báo cáo sửa chữa (nếu trong quá trình kiểm tra phát hiện sai sót) và lập biên bản kiểm tra theo quy định.

5. Thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư phải cử cán bộ kỹ thuật kiểm tra chất lượng công trình sản phẩm và nghiệm thu các công trình sản phẩm đã qua kiểm tra và xác nhận đạt yêu cầu chất lượng sau cùng trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình đo đạc và bản đồ.

1. Quy định về hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu:

a) Quyết định phê duyệt Dự án (nếu có); Quyết định phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán; văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan quyết định đầu tư (nếu có).

b) Hợp đồng thi công hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công;

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm.

e) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của cơ quan kiểm tra (nếu có);

g) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót theo yêu cầu của chủ đầu tư (nếu có) và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm của chủ đầu tư (nếu có);

h) Báo cáo về khối lượng phát sinh, những vướng mắc đã giải quyết so với Dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc đó của cấp có thẩm quyền;

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm công đoạn hoặc toàn bộ công trình;

k) Báo cáo giám sát thi công, quản lý chất lượng công trình, sản phẩm;

l) Bản xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành công trình, sản phẩm.

2. Qui định về hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu đối với các phương án trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ cơ bản cần có:

a) Công văn đề nghị chủ đầu tư nghiệm thu công trình, sản phẩm.

b) Báo cáo tổng kết kỹ thuật;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Báo cáo về những phát sinh, vướng mắc về công nghệ; về định mức kinh tế - kỹ thuật; về khối lượng và những vấn đề khác (nếu có) so với hợp đồng hoặc dự án. Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và văn bản có thẩm quyền;

d) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót (nếu có);

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (Kèm theo các phiếu ghi ý kiến kiểm tra);

e) Thông báo niêm yết công khai, biên bản xác nhận việc công khai và biên bản kết thúc thời gian công khai bản đồ địa chính.

Điều 19. Kinh phí kiểm tra, nghiệm thu.

Kinh phí kiểm tra, nghiệm thu được tính trong tổng mức đầu tư của công trình đo đạc và bản đồ do chủ đầu tư chi trả cho đơn vị kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm. Dự toán kinh phí kiểm tra, nghiệm thu được lập theo đúng quy định hiện hành.

Điều 20. Đóng gói, giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Sản phẩm đóng gói, giao nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước cấp có thẩm quyền và chủ đầu tư ở dạng giấy và dạng số theo chủng loại và số lượng quy định trong dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt.

Chương III
THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc quản lý, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở quốc gia từ hạng III trở xuống và dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc của cấp huyện, xã và các tổ chức.

b) Giải quyết hoặc thông báo cho Cục Đo đạc và Bản đồ, cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc của các sở, ban, ngành của Tỉnh trong trường hợp công trình xây dựng trên thửa đất làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc để quyết định huỷ bỏ, gia cố hoặc di dời.

c) Báo cáo hàng năm với Cục Đo đạc và Bản đồ về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

2. Phòng Tài nguyên Môi trường các huyện, thị có trách nhiệm:

a) Chỉ rõ cho người được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa.

b) Xem xét tại hiện trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cán bộ địa chính xã).

c) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với Sở Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

3. Cán bộ Địa chính cấp xã có trách nhiệm:

a) Quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã theo các biên bản bàn giao dấu mốc đo đạc cho UBND cấp xã.

b) Sau khi nhận bàn giao dấu mốc đo đạc, cán bộ Địa chính xã có trách nhiệm: ghi vào phần ghi chú của sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất, tuyên truyền phổ biến các quy định về quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc cho nhân dân tại địa phương; thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc có khả năng bị xâm hại hoặc bị xâm hại thì trong thời gian không quá 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi phát hiện phải báo cáo UBND cấp xã để có biện pháp ngăn chặn ngay hành vi xâm hại và trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc phải báo cáo phòng Tài nguyên Môi trường về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

c) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc về việc xin di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc thì cán bộ Địa chính xã phải chuyển đơn đến cấp có thẩm quyền theo quy định để giải quyết kịp thời.

d) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với phòng Tài nguyên Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên địa bàn xã, phường, thị trấn kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

4. Các Sở chuyên ngành khác của Tỉnh quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của ngành.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân về bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc.

1. Mọi tổ chức, công dân có trách nhiệm bảo vệ công trình xây dựng đo đạc, không được huỷ hoại hoặc cản trở việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng đo đạc. Khi phát hiện công trình xây dựng đo đạc có khả năng bị xâm hại hoặc bị xâm hại thì phải báo cáo ngay cho UBND cấp xã nơi có công trình xây dựng đo đạc biết để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo thẩm quyền.

2. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc có trách nhiệm:

a) Bảo vệ, không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc đặt trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc trong quá trình sử dụng đất và công trình.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Trường hợp cần di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì phải có văn bản báo cáo cho cán bộ Địa chính cấp xã để báo cáo cho cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản đồng ý của cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc và bản đồ.

c) Trường hợp phải cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình mà làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì phải có văn bản gửi UBND cấp xã để báo cáo cho cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc theo quy định và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản trả lời của cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc và bản đồ.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dấu mốc đo đạc phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

2. Trường hợp các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng dấu mốc đo đạc thì phải liên hệ với cán bộ địa chính xã để được chỉ dẫn. Trong quá trình sử dụng không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc, khi sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị xây dựng công trình đo đạc.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng dấu mốc đo đạc, đơn vị thực hiện phải có biên bản bàn giao dấu mốc đo đạc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng dấu mốc đo đạc tại thực địa cho cán bộ Địa chính cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất.

Điều 25. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của các cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc trong trường hợp phải di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc.

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười năm) ngày làm việc đối với các trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 22 trong Quy định này, kể từ ngày nhận được văn bản của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc về việc xin di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc, cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có dấu mốc đo đạc biết.

2. Việc di chuyển hoặc huỷ bỏ dấu mốc đo đạc phải được cập nhật trong hồ sơ, tài liệu liên quan đến dấu mốc đo đạc lưu trữ tại cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc.

Điều 26. Trách nhiệm về quản lý, sử dụng các tài liệu đo đạc và bản đồ.

1. Các Sở chuyên ngành, chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ do mình làm chủ đầu tư hoặc được tiếp nhận và lưu trữ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng các tài liệu về ảnh hàng không, lưới toạ độ, dữ liệu nền thông tin địa lý, độ cao các cấp, bản đồ nền địa hình các loại tỷ lệ, bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên đề. Có trách nhiệm tổ chức cung cấp các

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

loại bản đồ ở dạng số và dạng giấy (thuộc thẩm quyền theo quy định), trích lục bản đồ và các tài liệu kèm theo.

3. Phòng Tài nguyên Môi trường có trách nhiệm quản lý bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã và các loại bản đồ chuyên đề. Cung cấp các thông tin trích lục thửa đất từ bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa.

4. Cán bộ địa chính cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã và các loại bản đồ chuyên đề. Cung cấp thông tin trích lục thửa đất từ bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa.

Điều 27. Chế độ bảo mật khi cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ.

1. Tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm bảo mật tài liệu, không được chuyển giao cho đơn vị, cá nhân khác mà chỉ được sử dụng nội bộ và trình cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý.

2. Tư liệu đo đạc bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ tối mật gồm:

a) Tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm;

b) Tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố.

Chỉ được cung cấp, cho phép khai thác, sử dụng khi có giấy công văn đề nghị của Bộ Trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh , thành phố, Chánh án toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị xã hội.

3. Tư liệu đo đạc bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ mật gồm:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm: tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, toạ độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu;

b) Phim, ảnh hàng không bao gồm phim, ảnh hàng không kỹ thuật số và sản phẩm quét phim, ảnh hàng không kèm theo số liệu xác định toạ độ tâm ảnh có số lượng tờ liên kết bằng diện tích lớn hơn 200 km2 ở thực địa;

c) Bản đồ địa hình số và cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10000, 1:25000, 1:50 000, 1:100 000.

Chỉ được cung cấp, cho phép khai thác, sử dụng khi có công văn đề nghị của cấp Vụ hoặc tương đương trở lên.

4. Tư liệu đo đạc bản đồ không thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ mật có 2 loại:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Loại không thuộc phạm vi bí mật nhà nước và không xuất bản gồm: giá trị tọa độ, độ cao, giá trị trọng lực; ghi chú điểm; phim, ảnh hàng không chụp địa hình.

Chỉ được cung cấp, khai thác sử dụng khi có công văn đề nghị của thủ trưởng cơ quan, tổ chức có yêu cầu sử dụng.

b) Loại không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đã xuất bản gồm: bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ hành chính in trên giấy; quy phạm, quy định kỹ thuật chuyên ngành đo đạc và bản đồ; thông tin tư liệu trắc địa bản đồ, được cung cấp, khai thác sử dụng rộng rãi.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh:

1. Thống nhất quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức triển khai thành lập hệ thống bản đồ địa chính và các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ được giao theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 7, Quy định này.

3. Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách Nhà nước do các Sở, ngành của địa phương thực hiện.

4. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ các mục đích chuyên dụng của địa phương; quản lý công trình xây dựng đo đạc, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo phân cấp; quản lý hoạt động xuất bản bản đồ tại địa phương.

5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 29. Trách nhiệm của UBND cấp huyện.

Chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Tham mưu UBND cấp huyện xử lý theo thẩm quyền những hành vi xâm hại đến các công trình xây dựng đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định.

3. Tham gia, phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ.

4. Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính đối với các dự án nằm trong dự án Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai hoặc đã có bản đồ địa chính dạng số để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và chỉnh lý hồ sơ địa chính sau này.

5. Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác quản lý, cập nhật, chỉnh lý kịp thời.

Điều 30. Đối với UBND cấp xã.

1. Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn mình quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc đang thi công trên địa bàn mà không có thông báo thì tiến hành lập biên bản và báo cáo cơ quan Tài nguyên và môi trường cấp huyện để xử lý theo quy định.

2. Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử cán bộ công chức địa chính cấp xã, cán bộ thôn, xóm, ấp, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất.

3. Có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất, xác nhận tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn mình quản lý.

4. Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác cập nhật, chỉnh lý một cách kịp thời.

Điều 31. Đối với Chủ đầu tư.

1. Lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị thi công đo đạc phải có Giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ mà trong đó có danh mục được cấp phép hoạt động tương ứng với nội dung công việc trong hợp đồng được ký kết.

2. Đối với các dự án nằm trong dự án Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai hoặc đã có bản đồ địa chính dạng số, Chủ đầu tư liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trên cùng địa bàn thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (kinh phí thực hiện theo quy định của Nhà nước), đồng thời làm cơ sở để thống nhất quản lý về hồ sơ địa chính.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, đơn vị thi công đo đạc tổ chức quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung đo đạc để nhân dân trong khu vực dự án biết và phối hợp thực hiện.

4. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc thành lập hội đồng tư vấn hoặc thuê tổ

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

chức có chức năng tư vấn về địa chính, thuê chuyên gia để thực hiện kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính và trực tiếp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm được giao.

5. Quyết định giải quyết những thay đổi, vướng mắc về kỹ thuật, công nghệ trong quá trình thi công; những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp kỹ thuật, công nghệ mà không làm tăng hoặc giảm giá trị dự toán quá năm phần trăm (5%) dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; những phát sinh về khối lượng mà không làm tăng hoặc giảm quá năm phần trăm (5%) so với khối lượng đã được phê duyệt.

6. Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đang thi công không đúng Dự án, Thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm, quy trình, quy định về kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải báo cáo cơ quan quyết định đầu tư.

7. Giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công công trình, sản phẩm; kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính được giao thực hiện.

8. Thực hiện việc ký kết hợp đồng với đơn vị thi công đo đạc, sản phẩm hoàn thành phải được kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu, đồng thời phải giải quyết những phát sinh, sai sót (nếu có) trong quá trình sử dụng sản phẩm cho đến khi hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình.

9. Khi thanh quyết toán khối lượng đo đạc địa chính phải căn cứ trên khối lượng thực tế thi công (diện tích đo vẽ, diện tích xác định ranh giới thửa đất, diện tích lập kết quả đo đạc địa chính thửa đất, diện tích đất giao thông, thủy lợi, sông, suối,...) và theo Định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành.

10. Giao nộp toàn bộ sản phẩm cho Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trên địa bàn để quản lý, theo dõi và thực hiện lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 32. Đối với đơn vị thi công đo đạc.

1. Đơn vị thi công chỉ hoạt động trong phạm vi các danh mục được cấp phép, nếu hoạt động đo đạc ngoài các danh mục được cấp phép sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

2. Trong quá trình tổ chức thi công, có trách nhiệm thông báo cho UBND cấp xã có liên quan biết về kế hoạch đo đạc trên địa bàn để quản lý, theo dõi. Có trách nhiệm phối hợp với người dẫn đạc (là công chức địa chính cấp xã hoặc cán

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

bộ thôn, xóm, ấp, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất), cùng với người sử dụng, quản lý đất liên quan tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất trên thực địa; đồng thời, yêu cầu người sử dụng đất xuất trình các giấy tờ liên quan đến thửa đất (có thể cung cấp bản sao các giấy tờ đó không cần công chứng, chứng thực).

3. Sử dụng lực lượng chuyên môn, kỹ thuật trực thuộc hoặc thuê tư vấn có chức năng tư vấn về địa chính để thực hiện việc kiểm tra tiến độ thi công, kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm địa chính; trực tiếp nghiệm thu chất lượng, khối lượng từng công đoạn, từng hạng mục và toàn bộ công trình, sản phẩm địa chính do đơn vị thực hiện.

4. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư, chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định của cơ quan quyết định đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm địa chính.

5. Trường hợp có thay đổi về giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thiết kế kỹ thuật định mức kinh tế - kỹ thuật, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với Dự án. Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt thì phải báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có trả lời bằng văn bản của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

6. Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm do đơn vị thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đạt chất lượng thì phải làm bù hoặc làm lại bằng kinh phí của đơn vị mình cho đến khi hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình; chịu trách nhiệm về toàn bộ khối lượng, chất lượng sản phẩm do đơn vị thực hiện.

7. Toàn bộ sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính phải được lưu trữ theo quy định lưu trữ tài liệu của Nhà nước, không được huỷ bỏ các tài liệu cũ ngay cả trong trường hợp đã có tài liệu mới cập nhật, thay thế.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ được xử lý theo đúng quy định hiện hành về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 34. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối giúp UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản của cấp trên ban hành làm cho nội dung trong Quy định này không còn phù hợp nữa hoặc có hướng dẫn về cùng nội dung thì áp dụng văn bản của cấp trên.

4. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thu

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Người đại diện trước pháp luật:

Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh số:

Số tài khoản:

Tổng số cán bộ, công nhân viên:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Căn cứ Thông tư số ...../2010/TT-BTNMT ngày tháng năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau đây:

1. .....

2. .....

.....

(*Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép*)

Cam kết: .....

.....

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. Lực lượng kỹ thuật

1. Lực lượng kỹ thuật phân tích theo ngành nghề

TTT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Loại khác
1					
2					
...					

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Danh sách người chịu trách nhiệm trước pháp luật và người phụ trách kỹ thuật chính

TTT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên nghề nghiệp
1				
2				
...				

II. Thiết bị công nghệ

TTT	Tên, số hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung Phần kê khai này.

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Ngày tháng năm ..... tại ....., đại diện Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (thành phố) đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của .... (*Tên tổ chức đề nghị cấp giấy phép*).

Thành phần của cơ quan thẩm định:

1. ..... (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. ..... (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

3. ..... (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Thành phần của tổ chức đề nghị cấp giấy phép:

1. ..... (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. ..... (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

3. ..... (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

I. Nội dung thẩm định:

1. Thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ

Thẩm định sự đầy đủ và xác thực của các tài liệu trong hồ sơ theo quy định.

2. Thẩm định kê khai năng lực hoạt động của tổ chức

2.1. Thẩm định phần kê khai lực lượng kỹ thuật: *đối chiếu số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với lực lượng kỹ thuật kê khai trong hồ sơ.*

2.2. Thẩm định phần kê khai thiết bị công nghệ: *đối chiếu số lượng và tình trạng hoạt động của thiết bị kỹ thuật và công nghệ đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với kê khai trong hồ sơ.*

II. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận:

Nêu kết luận về tính hợp lệ của hồ sơ; sự phù hợp giữa năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ thực tế của tổ chức với năng lực kê khai trong hồ sơ (*số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật; số lượng và tình trạng hoạt động của thiết bị công nghệ*).

2. Kiến nghị: Nêu rõ những nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Biên bản này được lập thành ba (03) bản: 01 bản giao cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép; 01 bản lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường; 01 bản gửi Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

ĐẠI DIỆN **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**	**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** **ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *(Ký tên và đóng dấu)*

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Người đại diện trước pháp luật:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh số:

Số tài khoản:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số ...., cấp ngày tháng năm .....

Căn cứ Thông tư số ...../2010/TT-BTNMT ngày tháng năm ..... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1. .....

2. .....

.....

(*Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung*)

Cam kết: .....

.....

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. Lực lượng kỹ thuật

1. Lực lượng kỹ thuật phân tích theo ngành nghề (*Kê khai theo thời điểm hiện tại*)

TTT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Loại khác
1					
2					
...					

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Danh sách người chịu trách nhiệm trước pháp luật và người phụ trách kỹ thuật chính (*Kê khai theo thời điểm hiện tại*)

TTT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên nghề nghiệp
1				
2				
...				

II. Thiết bị công nghệ

(*Kê khai theo thời điểm hiện tại*)

TTT	Tên, số hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung phần kê khai này.

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Mẫu số 04

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên tổ chức được cấp giấy phép hoạt động ĐĐBĐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC.....

....., ngày tháng năm .....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Từ năm..... đến năm.....

1. Tên tổ chức:
2. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: *Số....., cấp ngày .....*
3. Doanh thu năm:
4. Nộp ngân sách năm (hoặc nộp thuế kinh doanh):
5. Các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện:

STT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Công đoạn đã thi công	Giá trị đã thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này.

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: ..... Giới tính: .....
2. Ngày tháng năm sinh: ....
3. Chứng minh thư nhân dân: số ....., ngày cấp ....., nơi cấp .....
4. Địa chỉ thường trú: ....

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

TTT	Tên trường đào tạo	Loại hình đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bằng cấp

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1. Từ ..... Đến: .....

- Công tác tại: (*Tên cơ quan, đơn vị*):
- Chức vụ:
- Những công trình đo đạc và bản đồ đã tham gia (*ghi cụ thể thời gian tham gia*):

....

....

2. Từ ..... Đến: .....

....

....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm .....
Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn